

Số: 100/VP-PBGDPL

Mường Lay, ngày 24 tháng 7 năm 2026

V/v phối hợp tuyên truyền, phổ biến
tài liệu PBGDPL tháng 7 năm 2026

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa - Xã hội phường;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường.

Thực hiện Kế hoạch số 488/KH-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND phường Mường Lay về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026 trên địa bàn phường Mường Lay.

Nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn phường, Văn phòng HĐND và UBND phường gửi tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tháng 7 năm 2026 với chuyên mục "Phòng, chống ma túy" do Văn phòng HĐND và UBND phường biên soạn, biên tập (*có tài liệu kèm theo*).

Để tài liệu được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, kịp thời đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn phường, Văn phòng HĐND và UBND phường đề nghị:

1. Phòng Văn hóa - Xã hội phường phối hợp đăng tải tài liệu trên Trang Thông tin điện tử tổng hợp phường, bảo đảm nội dung được thông tin, tuyên truyền rộng rãi đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn phường.

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường phối hợp tuyên truyền nội dung tài liệu trên hệ thống truyền thanh cơ sở với thời lượng, tần suất phù hợp, bảo đảm thông tin được truyền tải kịp thời, rộng rãi đến cán bộ và Nhân dân trên địa bàn phường.

Đề nghị Phòng Văn hóa - Xã hội và Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp phường quan tâm, phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND phường
- Lãnh đạo VP. HĐND và UBND phường;
- Lưu: VT, PBGDPL.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Trần Thị Nụ

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU, PHỔ BIẾN LUẬT PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

*(Kèm theo Công văn số 100/VP-PBGDPL ngày 24 tháng 7 năm 2026
của Văn phòng HĐND và UBND phường Mường Lay)*

Luật Phòng, chống ma túy được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025 (Luật số 120/2025/QH15), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026. Luật có các nội dung cơ bản sau:

PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Ngày 30/3/2021, tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV thông qua Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022. Sau 03 năm triển khai thi hành Luật, công tác phòng, chống ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy được bảo đảm chặt chẽ, hiệu lực, hiệu quả, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm ma túy, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định, thuận lợi phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, giải pháp chỉ đạo triển khai quyết liệt, tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống, kiểm soát ma túy và công tác cai nghiện ma túy, qua đó bảo đảm tính xuyên suốt giữa hoạt động giảm cung với giảm cầu trong phòng, chống ma túy, thay đổi căn bản, hiệu quả công tác cai nghiện ma túy. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình tổ chức thực hiện Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 trong những năm qua đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc nhất định và phát sinh những vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục, giải quyết và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy để phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay. Bên cạnh đó, thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy đã được chuyển từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Bộ Công an.

Có thể thấy những vấn đề trên đã nêu rõ việc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, trong đó có Luật Phòng, chống ma túy để thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo mới của Đảng, Nhà nước, phù hợp với sự thay đổi chức năng quản lý nhà nước trong công tác này và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Ngày 25/10/2017, Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã quán triệt nhiệm

vụ: “Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo để một tổ chức, một người có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức, một người chủ trì và chịu trách nhiệm chính”; Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thông qua chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy công an địa phương theo hướng “tinh toàn diện, xã vững mạnh, bám cơ sở”, không tổ chức Công an cấp huyện.

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã đề ra nhiệm vụ: “Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bộ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã”; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã đặt ra mục tiêu, yêu cầu: “Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã, thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”; Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh và cấp cơ sở, không tổ chức cấp huyện); Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp đã chỉ đạo: “Kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) có hiệu lực thi hành”.

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, trong đó xác định nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy bên trong của Công an đơn vị, địa phương tinh, gọn, mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; Kết luận số 132-KL/TW ngày 18/3/2025 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy đã quán triệt nhiệm vụ: “Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật trong các lĩnh vực có liên quan, bảo đảm phù hợp, thống nhất với Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, sát

với thực tiễn, có tính khả thi cao. Khẩn trương nghiên cứu áp dụng chính sách hình sự nghiêm khắc hơn để giảm cầu ma túy, chặn đứng mối quan hệ “cung - cầu” ma túy. Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành trong phòng, chống và kiểm soát ma túy; phân công rõ trách nhiệm quản lý tiền chất ma túy (kể cả các chất tiền chất phục vụ y tế). Nghiên cứu, xây dựng cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện và cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng”.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khoá XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, trong đó quy định cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025; trong đó đã bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2025 trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025) đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy (theo trình tự, thủ tục rút gọn).

- Công văn số 48/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03/5/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ yêu cầu: “Không quy định tên bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của bộ, ngành vào trong Luật (không phân quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại Luật bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực, thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ)”.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo quy định cũ tại Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14, hiện nay đã không còn phù hợp:

Thứ nhất, về công tác kiểm soát các hoạt động hợp pháp về ma túy:

- Khoản 4 Điều 2 quy định “Tiền chất là hóa chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy” là chưa phù hợp, bởi vì thực tế hiện nay các đối tượng có thể thay thế nhiều loại tiền chất khác nhau để điều chế, sản xuất chất ma túy.

- Hiện nay một số loại thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất được sử dụng phổ biến trên thế giới nhằm tăng năng suất, chất lượng chăn nuôi. Tuy nhiên, ở Việt Nam các loại thức ăn này không được nhập khẩu để sử dụng do chưa được đưa vào danh mục kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, vì vậy ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản trong nước.

Thứ hai, về công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy:

- Việc quản lý đối với người sử dụng trái phép chất ma túy đi khỏi địa bàn, người sử dụng trái phép chất ma túy không nơi cư trú ổn định gặp khó khăn trong việc thực hiện các hoạt động xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, tư vấn, giáo dục, động viên, quản lý phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật. Trong thời gian quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, khi có thông tin người đó sử dụng trái phép chất ma túy, Công an xã yêu cầu người đó xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, nhưng họ không chấp hành, trong khi đó quy định của pháp luật thì không được cưỡng chế, hay có chế tài xử lý nên rất khó khăn trong thực tiễn, không có tính răn đe, giáo dục đối với người sử dụng trái phép chất ma túy, làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật.

- Tại điểm b, khoản 5 Điều 23 quy định “Đưa ra khỏi danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy đối với người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy” là không phù hợp với thực tiễn, bởi vì bản thân họ vẫn được xác định là người sử dụng trái phép chất ma túy đang ở ngoài cộng đồng nên không đưa ra khỏi danh sách quản lý được.

Thứ ba, về công tác xác định tình trạng nghiện ma túy:

- Việc xác định tình trạng nghiện ma túy gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như: người nghiện không hợp tác với lực lượng chức năng khi có yêu cầu; cơ sở vật chất, nhân lực thực hiện xác định tình trạng nghiện còn thiếu, nhất là ở cấp xã, không đảm bảo cho việc thực hiện xác định tình trạng nghiện; đối với người nghiện các loại ma túy tổng hợp, biểu hiện trạng thái cai rất đa dạng và không điển hình, trong khi đó xu thế hiện nay người nghiện đang chuyển dần sang sử dụng ma túy tổng hợp.

- Thực tế hiện nay nếu không xác định được tình trạng nghiện ma túy thì sẽ không áp dụng được biện pháp cai nghiện đối với người nghiện, trong khi đó việc quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là việc tư vấn, giáo dục; hành vi sử dụng trái phép chất ma túy chỉ bị xử phạt hành chính: cảnh cáo, phạt tiền từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ là chưa đủ mức răn đe; nếu nâng cao mức xử phạt hành chính thì đa số người sử dụng trái phép chất ma túy không thực hiện được.

Thứ tư, về công tác cai nghiện ma túy:

- Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

+ Khoản 2 Điều 30 quy định “Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng”, thực tế rất khó xác định khi nào áp dụng thời hạn 06 tháng, trên 06 tháng hoặc 12 tháng, gây nên sự áp dụng không thống nhất giữa các địa phương, dẫn đến việc tùy nghi trong áp dụng pháp luật và hạn chế hiệu quả công tác cai nghiện.

+ Khoản 3 Điều 30 quy định “Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 29 của Luật này được hỗ trợ kinh phí”. Như vậy việc cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng không được nhà nước đảm bảo kinh phí 100%

như cai nghiện bắt buộc; người nghiện phải trả phí dịch vụ, trong khi đa phần người nghiện, gia đình người nghiện rất khó khăn về kinh tế nên không thu hút họ thực hiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Khoản 6 Điều 30 quy định trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, nhưng hiện nay không còn tổ chức hành chính cấp huyện, do vậy quy định này không còn phù hợp.

- Cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện: Đây là lĩnh vực đặc thù, do vậy rất khó thu hút cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vì khó thu được lợi nhuận. Nhà nước chưa có chính sách cụ thể miễn, giảm tiền thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức, cá nhân đầu tư vào công tác cai nghiện tự nguyện. Mặt khác, chế độ, chính sách đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện chưa được ngân sách Nhà nước hỗ trợ.

- Công tác cai nghiện ma túy bắt buộc:

+ Trong thời gian lập hồ sơ đưa người nghiện đi cai nghiện ma túy bắt buộc người nghiện thường bỏ trốn, mặc dù giao cho gia đình quản lý nhưng gia đình vẫn không quản lý được. Trong khi đó quy định của pháp luật không có chế tài xử lý đối với trường hợp này (cả về phía gia đình, cũng như người nghiện), từ đó dẫn đến việc chấp hành pháp luật không nghiêm, gây khó khăn cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ.

+ Một số trường hợp người nghiện ma túy sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã bỏ trốn, không chấp hành, sau một thời gian dài người này quay trở lại địa phương và lấy lý do không còn nghiện ma túy nên không chấp hành Quyết định của Tòa án đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, gây khó khăn trong công tác quản lý của các địa phương.

+ Việc tổ chức học văn hóa cho người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi cai nghiện bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện công lập là không thực hiện được do số lượng người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện công tác cai nghiện là rất ít, thuộc nhiều độ tuổi, cấp học khác nhau, vì vậy rất khó để bố trí việc dạy văn hóa cho các em.

- Quy trình cai nghiện ma túy gồm 05 giai đoạn nhưng việc cai nghiện ma túy tự nguyện chỉ yêu cầu bảo đảm hoàn thành đủ 03 giai đoạn, các giai đoạn còn lại thì chưa có quy định để người cai nghiện ma túy tiếp tục thực hiện nên chưa bảo đảm sự thống nhất trong việc áp dụng quy trình cai nghiện ma túy, ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác cai nghiện ma túy.

- Công tác quản lý sau cai nghiện ma túy:

+ Người nghiện ma túy không khai báo khi hoàn thành cai nghiện, bỏ đi khỏi địa phương nên công tác quản lý sau cai và lập hồ sơ đưa vào danh sách quản lý sau cai gặp khó khăn. Việc hỗ trợ trong quá trình quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng còn chung chung, chưa được quan tâm đầu tư, chưa có biện pháp, mô hình tốt giúp đỡ người sau cai nghiện. Do không có việc

làm, không có thu nhập để tự nuôi sống bản thân, vì vậy người sau cai nghiện dễ bị lôi kéo thực hiện phạm tội về ma túy và tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với người không có nơi cư trú ổn định rất khó khăn trong công tác quản lý sau cai.

+ Sự quan tâm, phối hợp của chính quyền các cấp, các ngành trong công tác quản lý sau cai còn hạn chế. Điều kiện kinh tế xã hội của các địa phương chưa đáp ứng được; người sau cai nghiện rất khó tiếp cận được nguồn vốn vay; còn có tâm lý kỳ thị của người dân và doanh nghiệp đối với người sau cai nghiện ma túy.

- Khoản 3 Điều 43 quy định “Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp đưa ra khỏi danh sách người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai”, tuy nhiên trên thực tế công tác thống kê chưa được rõ ràng, tách bạch giữa người nghiện và người bị quản lý sau cai dẫn đến việc thống kê người nghiện, người bị quản lý sau cai chưa phản ánh đúng với thực trạng tình hình.

- Luật chưa có quy định tiêu chuẩn về xây dựng Cơ sở cai nghiện ma túy; quản lý, điều hành các cơ sở cai nghiện công lập.

Thứ năm, về sự đồng bộ, thống nhất giữa Luật Phòng, chống ma túy với các luật khác.

- Các quy định về áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc hiện đang được quy định đồng thời tại Luật Phòng, chống ma túy và Luật Xử lý vi phạm hành chính nên rất khó bảo đảm sự liên thông, chưa thực sự thuận lợi trong thi hành:

+ Đối tượng áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc quy định tại Luật Phòng, chống ma túy, tuy nhiên, thủ tục lập hồ sơ đề nghị, xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc và thi hành quyết định đang được quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ Thời hạn áp dụng biện pháp cai nghiện cũng chưa thống nhất: Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thời hạn áp dụng cai nghiện ma túy bắt buộc là từ đủ 12 tháng đến 24 tháng rất khó cho việc xác định khi nào áp dụng 12 tháng, trên 12 tháng hoặc 24 tháng; tương tự, Luật Phòng, chống ma túy cũng quy định áp dụng thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cai nghiện đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng. Việc cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập do Nhà nước thành lập, quản lý rất chặt chẽ nhưng thời hạn cai nghiện lại nhiều hơn cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân do cơ quan, tổ chức ngoài công lập.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 đã bổ sung Tội sử dụng trái phép chất ma túy nên cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Luật Phòng, chống ma túy.

Từ những vấn đề trên cho thấy, việc sửa đổi Luật Phòng, chống ma túy là cần thiết, khi chuyển giao nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan quản

lý nhà nước về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy về Bộ Công an, đề thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu công tác phòng, chống ma túy, nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật

- Thể chế hóa những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, cải cách hành chính; tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan, tổ chức về phòng, chống ma túy bảo đảm phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các bộ, ngành, địa phương.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy để bảo đảm phù hợp với tổ chức bộ máy mới và khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành thời gian qua.

2. Quan điểm xây dựng Luật

- Bám sát các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước ta về hoàn thiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, bảo đảm đồng bộ với việc tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

- Tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những khó khăn, vướng mắc của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật quốc tế và thực tiễn công tác phòng, chống ma túy của một số quốc gia trên thế giới bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

- Bảo đảm đồng bộ, thống nhất của Luật trong hệ thống pháp luật; phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

PHẦN II. GIỚI THIỆU VĂN BẢN

I. BỐ CỤC CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG MA TÚY NĂM 2025

Luật Phòng, chống ma túy sau khi được thông qua gồm 8 chương, 56 điều, cụ thể:

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Điều 3. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy

Điều 4. Nguồn tài chính cho phòng, chống ma túy

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

CHƯƠNG II. TRÁCH NHIỆM PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 6. Trách nhiệm của cá nhân, gia đình và cộng đồng

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước

Điều 8. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan báo chí, truyền thông

Điều 10. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức khác

Điều 11. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy

Điều 12. Biện pháp giám sát điện tử

CHƯƠNG III. KIỂM SOÁT CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY

Điều 13. Các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy

Điều 14. Kiểm soát hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất chất ma túy, tiền chất

Điều 15. Kiểm soát hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất

Điều 16. Kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc

Điều 17. Kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất

Điều 18. Kiểm soát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc

Điều 19. Lập hồ sơ, báo cáo các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy

Điều 20. Kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh

Điều 21. Kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất vì mục đích sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế, điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

Điều 22. Xử lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất thu giữ trong vụ việc vi phạm pháp luật

CHƯƠNG IV. QUẢN LÝ NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

Điều 23. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể

Điều 24. Quản lý, giáo dục của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền đối với người sử dụng trái phép chất ma túy

Điều 25. Trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy

Điều 26. Trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Điều 27. Lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy

CHƯƠNG V. CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 28. Cơ sở cai nghiện ma túy

Điều 29. Thời hạn, quy trình cai nghiện ma túy

Điều 30. Hình thức cai nghiện ma túy

Điều 31. Xác định tình trạng nghiện ma túy

Điều 32. Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Điều 33. Cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân

Điều 34. Cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng

Điều 35. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc

Điều 36. Cai nghiện ma túy bắt buộc cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

Điều 37. Quản lý người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc

Điều 38. Thi hành quyết định đưa đến cơ sở cai nghiện ma túy

Điều 39. Hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện ma túy

Điều 40. Áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy đối với người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về nước do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam

Điều 41. Cai nghiện ma túy cho người bị tạm giam, phạm nhân

Điều 42. Quản lý, hỗ trợ sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú

Điều 43. Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy

Điều 44. Trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy, cộng đồng

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của người cai nghiện ma túy

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở cai nghiện ma túy

Điều 47. Xử lý trường hợp vi phạm nghĩa vụ của người cai nghiện ma túy, người đang bị quản lý sau cai nghiện ma túy hoặc người điều trị nghiện bằng thuốc thay thế

Điều 48. Lập danh sách, đưa ra khỏi danh sách người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy

CHƯƠNG VI. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 49. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy

Điều 50. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy

CHƯƠNG VII. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 51. Chính sách hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy

Điều 52. Nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy

Điều 53. Chuyển giao hàng hóa có kiểm soát

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15

Điều 55. Hiệu lực thi hành

Điều 56. Điều khoản chuyển tiếp

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG MA TÚY NĂM 2025

Luật đã bổ sung mới 11 điều; sửa đổi, bổ sung 40 điều; bãi bỏ 10 điều; giữ nguyên 05 điều so với Luật hiện hành, trong đó sửa đổi, bổ sung các nội dung như sau:

1. Chương I. Những quy định chung, gồm 05 điều (Điều 1 đến Điều 5): Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Giải thích từ ngữ (Điều 2); Chính sách của nhà nước về phòng, chống ma túy (Điều 3); Nguồn tài chính cho phòng, chống ma túy (Điều 4); Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 5).

So với Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, Chương này sửa đổi, bổ sung các nội dung chính sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về giải thích từ ngữ (Điều 2) để phù hợp với thực tiễn như sau:

+ *Tiền chất* là hóa chất thường được sử dụng trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy được quy định trong danh mục tiền chất do Chính phủ ban hành (khoản 4), việc thay thế cụm từ “*không thể thiếu được*” bằng cụm từ “*thường được sử dụng*”, vì các hóa chất có thể sử dụng để sản xuất ma túy rất đa dạng, có thể thay thế nhau nên chỉnh sửa đảm bảo tính chính xác và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp chất gây nghiện, chất hướng thần năm 1988.

+ Bỏ giải thích từ ngữ về *Cơ sở cai nghiện ma túy (khoản 14)*, vì nội dung được quy định thành một điều riêng về *Cơ sở cai nghiện ma túy (Điều 28)*.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy (Điều 3), với các nội dung sau:

+ Tại khoản 6, sửa đổi cụm từ “*điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế*” thành “*điều trị nghiện bằng thuốc thay thế*” để bảo đảm việc điều trị nghiện bằng thuốc thay thế không chỉ đối với các chất dạng thuốc phiện mà bao gồm cả các chất ma túy khác, bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc nghiên cứu, sản xuất, điều trị cai nghiện bằng các thuốc thay thế khác trong thời gian tới. Đồng thời, sửa đổi cụm từ này tại các điều khác để bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong Luật.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về cơ chế tài chính, về chính sách của nhà nước trong bảo đảm kinh phí cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng (khoản 7); bổ sung chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy trong sử dụng lao động là người nghiện ma túy, người đã chấp hành xong quyết định cai nghiện ma túy (khoản 8).

Cai nghiện ma túy là lĩnh vực đặc thù, các điều kiện cơ sở vật chất phải đáp ứng theo yêu cầu quy định của Chính phủ; do đó, rất khó thu hút cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vì khó thu được lợi nhuận. Do vậy, việc bổ sung quy định nêu trên nhằm thể hiện chính sách của Nhà nước trong hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy và thu hút các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia đầu tư vào hoạt động này.

- Bổ sung tại “*Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất*” tại Điều 5

Hiện nay một số loại thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất được sử dụng phổ biến trên thế giới nhằm tăng năng suất, chất lượng chăn nuôi. Tuy nhiên, ở Việt Nam các loại thức ăn này không được nhập khẩu để sử dụng do chưa được quy định trong luật dẫn đến vướng mắc trong hoạt động quản lý, cấp phép của cơ quan chức năng. Nhu cầu xuất khẩu, nhập khẩu các loại thức ăn chăn nuôi trên cũng rất cao nhưng chưa có hành lang pháp lý để thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành

chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản trong nước. Luật bổ sung “thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất” vào Chương kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy để thực hiện quản lý theo quy định.

Quy định này vừa bảo đảm việc kiểm soát chặt chẽ các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, đồng thời tạo hành lang pháp lý để các doanh nghiệp có thể nhập khẩu, sử dụng các loại thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất phục vụ phát triển ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản trong nước.

2. Chương II. Trách nhiệm phòng, chống ma túy, gồm 07 điều (Điều 6 đến Điều 12): Trách nhiệm của cá nhân, gia đình và cộng đồng (Điều 6); Trách nhiệm của cơ quan nhà nước (Điều 7); Trách nhiệm của cơ sở giáo dục (Điều 8); Trách nhiệm của cơ quan báo chí, truyền thông (Điều 9); Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của mặt trận và tổ chức khác (Điều 10); Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy (Điều 11); Biện pháp giám sát điện tử (Điều 12).

So với Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, về cơ bản, nội dung quy định tại chương này được giữ nguyên, trong đó, sửa đổi, bổ sung các nội dung chính sau:

- Bổ sung quy định về trách nhiệm phòng, chống ma túy của “cộng đồng” tại Điều 6.

- Bổ sung quy định về việc thực hiện biện pháp giám sát điện tử (Điều 12).

“Điều 12. Biện pháp giám sát điện tử

1. Giám sát điện tử là biện pháp sử dụng thiết bị điện tử để quản lý, giám sát đối với:

- a) Người đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;
- b) Người đang điều trị nghiện bằng thuốc thay thế;
- c) Người đang bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền áp dụng biện pháp giám sát điện tử.

3. Trách nhiệm của người bị áp dụng biện pháp giám sát điện tử:

- a) Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử;
- b) Không tự ý tháo gỡ, phá hủy hoặc có tác động gây rối loạn hoạt động của thiết bị giám sát điện tử;

c) Thông báo ngay cho Công an cấp xã khi phát hiện thiết bị giám sát điện tử bị hư hỏng.

4. Chính phủ quy định chi tiết về thiết bị, đối tượng; quy định điều kiện, thời hạn, trình tự, thủ tục, xử lý vi phạm trong việc áp dụng biện pháp giám sát điện tử.”

Việc bổ sung quy định này căn cứ trên cơ sở khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành của công tác quản lý người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; người đang điều trị nghiện bằng thuốc thay thế và người

đang bị quản lý sau cai nghiện. Những người này thường thay đổi nơi cư trú và đặc biệt nhiều người không có nơi cư trú ổn định gây khó khăn trong thực hiện công tác quản lý, giám sát, kết quả cho thấy nhiều trường hợp vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác. Việc áp dụng các biện pháp quản lý thủ công như hiện nay chưa đảm bảo tính xuyên suốt cũng như chưa đạt hiệu quả cao.

Trên cơ sở đó, từ việc nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, quy định pháp luật có liên quan (Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về giám sát điện tử) và khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành, Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 đã bổ sung quy định về biện pháp giám sát điện tử trong theo hướng xác định đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của người bị giám sát điện tử và giao Chính phủ quy định chi tiết. Việc bổ sung quy định này bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp về quyền con người, đồng thời đảm bảo tính linh hoạt trong áp dụng khi cần phải thay đổi các quy định cho phù hợp với thực tiễn.

3. Chương III. Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, gồm 10 điều (từ Điều 13 đến Điều 22): Các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy (Điều 13); Kiểm soát hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất chất ma túy, tiền chất (Điều 14); Kiểm soát hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất (Điều 15); Kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc (Điều 16); Kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất (Điều 17); Kiểm soát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc (Điều 18); Lập hồ sơ, báo cáo các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy (Điều 19); Kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh (Điều 20); Kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất vì mục đích sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế, điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh (Điều 21); Xử lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất thu giữ trong vụ việc vi phạm pháp luật (Điều 22).

So với Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, về cơ bản, nội dung quy định của chương này được giữ nguyên, tuy nhiên, để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn cụ thể:

- Bổ sung quy định cụm từ “*thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản*” có chứa chất ma túy, tiền chất tại các Điều 13, 17, 20, 22 để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển kinh tế và thống nhất với các nội dung của Luật.

- Sửa đổi, bổ sung quy định Điều 21, xác định trách nhiệm của người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải có trách nhiệm báo cáo, giải trình việc quản lý, sử dụng số lượng thuốc trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế, điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh.

4. Chương IV. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, gồm 05 điều (Điều 23 đến Điều 27). So với Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, Chương này sửa đổi, bổ sung các nội dung chính như sau:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 quy định “Trường hợp người bị yêu cầu xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể không chấp hành thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy có quyền áp dụng biện pháp áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính đến địa điểm xét nghiệm để tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể” nhằm giải quyết trường hợp người nghiện không hợp tác với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu xét nghiệm chất ma túy; sửa đổi quy định về việc gửi kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy đến Trưởng Công an cấp xã thay vì gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã để đảm bảo phù hợp về thẩm quyền quản lý của Công an cấp xã quy định trong Luật.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau: Sửa đổi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này nhằm phân định thẩm quyền của “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” và “Trưởng Công an cấp xã” trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy cho phù hợp với việc thay đổi thẩm quyền quản lý và tổ chức thực hiện, theo đó, Trưởng Công an cấp xã trực tiếp chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý người nghiện ma túy. Việc Trưởng Công an cấp xã trực tiếp ra quyết định và thực hiện quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy sẽ giảm các thủ tục báo cáo và thời gian ra quyết định nhưng vẫn đảm bảo trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

- Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 bổ sung nhiều quy định mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể:

+ Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền ra quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, thay cho Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định trước đây, nhằm giảm thủ tục hành chính và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm cung cấp thông tin về nguồn gốc chất ma túy đã sử dụng, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, viết cam kết chấp hành pháp luật và có mặt theo giấy triệu tập hoặc yêu cầu của Công an cấp xã trong thời gian quản lý.

+ Trường hợp người bị yêu cầu xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể không chấp hành việc xét nghiệm thì bị áp giải theo thủ tục hành chính đến địa điểm xét nghiệm để thực hiện xét nghiệm.

+ Khi di chuyển nơi cư trú, người sử dụng trái phép chất ma túy phải thông báo cho Công an nơi đi và trình diện tại nơi đến trong vòng 24 giờ; Công

an cấp xã có trách nhiệm cập nhật danh sách quản lý và chuyển thông tin cho địa phương tiếp nhận trong cùng thời hạn.

+ Đối với người sử dụng trái phép chất ma túy bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Trưởng Công an cấp xã ra quyết định tạm đình chỉ hoặc dừng việc quản lý theo thời hạn cụ thể; hết thời gian tạm giữ, tạm giam mà vẫn còn thời hạn quản lý thì tiếp tục thực hiện cho đến hết thời hạn.

+ Luật đồng thời bãi bỏ biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu đối với người sử dụng trái phép chất ma túy để tránh trùng lặp với biện pháp quản lý theo Luật Phòng, chống ma túy.

5. Chương V. Cai nghiện ma túy, gồm 21 điều (Điều 28 đến Điều 48). So với Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, Chương này sửa đổi, bổ sung các nội dung chính như sau:

- Bổ sung quy định giao trường giáo dưỡng tổ chức cai nghiện cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, vì môi trường của Trường giáo dưỡng phù hợp với lứa tuổi này và để đảm bảo quyền lợi của họ, nhất là việc tiếp tục học văn hóa.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn và quy trình cai nghiện ma túy (Điều 29), theo quy định mới, thời hạn cai nghiện đối với người cai nghiện lần đầu là 24 tháng và 36 tháng đối với người cai nghiện từ lần thứ 2 trở lên thay cho thời hạn cai nghiện từ đủ 6 tháng đến 12 tháng và từ đủ 12 tháng đến 24 tháng như hiện nay. Tất cả các hình thức cai nghiện đều phải thực hiện đủ 05 giai đoạn của quy trình cai nghiện.

Trường hợp người cai nghiện ma túy thực hiện cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân mà đã hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn đầu của quy trình cai nghiện nhưng chưa hoàn thành đủ thời hạn và 05 giai đoạn của quy trình cai nghiện thì người cai nghiện ma túy phải tiếp tục thực hiện thời gian, quy trình cai nghiện còn lại tại gia đình, cộng đồng cho đến khi đủ thời hạn, quy trình quy định.

Người đang trong thời hạn cai nghiện ma túy, đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy mà bị kết án phạt tù có thời hạn, sau khi chấp hành xong án phạt tù mà vẫn còn thời hạn cai nghiện ma túy hoặc thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy thì phải tiếp tục cai nghiện ma túy hoặc tiếp tục quản lý sau cai nghiện ma túy thời hạn còn lại.

Luật cũng quy định nơi cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi là trường giáo dưỡng, đồng thời cho phép cai nghiện tại cơ sở cai nghiện công lập nếu cơ sở đủ điều kiện thực hiện cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định tình trạng nghiện ma túy (Điều 31), trong đó, bổ sung quy định về xác định tình trạng nghiện ma túy đối với người đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện, giải quyết trường hợp cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ việc vi phạm pháp luật mà tiến hành xác định tình trạng nghiện ma túy; bổ

sung quy định về chính sách của Nhà nước trong bảo đảm kinh phí xác định tình trạng nghiện ma túy.

- Bổ sung quy định về việc thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng (Điều 34), việc bổ sung quy định này thể hiện chính sách nhân văn của Nhà nước trong hỗ trợ, tạo điều kiện cho người cai nghiện ma túy được đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng và kinh phí cai nghiện do Nhà nước bảo đảm.

- Bổ sung về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc (Điều 35). Về nội dung này Luật cơ bản kế thừa quy định về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Luật Phòng, chống ma túy và Luật Xử lý vi phạm hành chính để sửa đổi, bổ sung các quy định về đối tượng, lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc như sau:

- + Bổ sung quy định “nếu không thuộc trường hợp bị xử lý theo pháp luật hình sự” để loại trừ các trường hợp bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 tại Điều 256a quy định về Tội sử dụng trái phép chất ma túy. Đồng thời, bổ sung các trường hợp không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính).

- + Bổ sung các quy định được kế thừa từ quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính để bảo đảm thực hiện thống nhất trong Luật Phòng, chống ma túy và phù hợp với việc chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy về Bộ Công an, không tổ chức cấp huyện gồm: việc lập hồ sơ đề nghị, thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc, cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy, trường hợp người nghiện ma túy không xác định được nơi cư trú là người ốm yếu không còn khả năng lao động, Tòa án nhân dân khu vực (thay thế cho Tòa án nhân dân cấp huyện) quyết định áp dụng biện pháp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp.

- Bổ sung quy định về việc quản lý người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc (Điều 37), theo đó, Công an cấp xã nơi lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc quyết định giao người bị đề nghị cho cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng nơi gần nhất để quản lý trong thời gian lập hồ sơ đề nghị. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc trong thời gian quản lý hưởng chế độ như người bị áp dụng cai nghiện ma túy bắt buộc và thời gian quản lý được trừ vào thời gian cai nghiện ma túy nhằm khắc phục trường hợp đối tượng bỏ trốn, đi khỏi địa phương không khai báo tạm vắng... nên không thi hành được quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc.

- Bổ sung quy định về thi hành quyết định đưa đến cơ sở cai nghiện ma túy (Điều 38) để thực hiện thống nhất quy trình đưa đến các cơ sở cai nghiện ma túy, xác định cụ thể về vai trò của cơ quan, người có thẩm quyền trong tổ chức thi hành quyết định đưa người nghiện ma túy đi cai nghiện ma túy.

- Bổ sung quy định về hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện ma túy (Điều 39) trên cơ sở kế thừa Luật Xử lý vi phạm hành chính để đảm bảo thống nhất trong áp dụng quy định pháp luật.

- Bổ sung quy định đối với việc sử dụng kết quả lao động trị liệu của người cai nghiện ma túy (Điều 45, Điều 46).

Luật Phòng, chống ma túy hiện hành chưa có quy định về việc tổ chức lao động trị liệu cho người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tư nhân, trường giáo dưỡng (hiện nay đang thực hiện theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); thực tiễn thi hành còn gặp khó khăn, vướng mắc như chưa có quy định cụ thể về sử dụng kết quả lao động, phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện tổ chức lao động trị liệu, học nghề... Theo đó, để đảm bảo quyền lợi của người cai nghiện ma túy, Luật bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về việc người cai nghiện ma túy được hưởng kết quả lao động trị liệu của mình và quy định về nghĩa vụ của cơ sở cai nghiện ma túy trong tổ chức lao động trị liệu phải bảo đảm các hình thức lao động trị liệu do cơ quan có thẩm quyền quyết định; kết quả lao động trị liệu được sử dụng để phục vụ cho người cai nghiện ma túy và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

- Bổ sung quy định về việc xử lý đối với người đang trong thời hạn cai nghiện ma túy, đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy mà bị kết án phạt tù có thời hạn (Điều 47).

Hiện nay, theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, trường hợp người đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bị tuyên án phạt tù thì được miễn chấp hành thời gian còn lại của quyết định cai nghiện bắt buộc. Thực tiễn thời gian qua, quy định này bộc lộ một số bất cập, nhiều trường hợp cố tình vi phạm pháp luật hình sự với mức án tù thấp nhằm được miễn chấp hành phần thời gian cai nghiện hoặc vi phạm để không chấp hành thời hạn quản lý sau cai còn lại (quy định cứng thời gian cai nghiện lần đầu là 24 tháng và cai nghiện lần thứ hai là 36 tháng, trong khi đó một số tội danh như cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có mức án tương đối thấp như cải tạo không giam giữ dưới 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm).

Theo đó, bổ sung quy định theo hướng người đang trong thời hạn cai nghiện ma túy, đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy mà bị kết án phạt tù có thời hạn thì sau khi chấp hành xong án phạt tù mà còn thời hạn cai

nghiện ma túy hoặc thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy thì phải tiếp tục cai nghiện ma túy hoặc tiếp tục quản lý sau cai nghiện ma túy thời hạn còn lại.

- Bổ sung quy định về xử lý trường hợp vi phạm nghĩa vụ của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc người điều trị bằng thuốc thay thế và người đang bị quản lý sau cai nghiện ma túy (Điều 47).

Trong thực tiễn hiện nay, công tác quản lý, giám sát người đang cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, quản lý người sau cai nghiện còn gặp khó khăn. Nhiều đối tượng không chấp hành quy trình cai nghiện, vi phạm pháp luật chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng chưa có cơ chế, chế tài xử lý phù hợp bảo đảm tính răn đe cần thiết, dẫn đến hiệu quả công tác quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, quản lý người sau cai nghiện còn thấp.

Theo đó, căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan thì sẽ có chế tài xử lý theo từng lần vi phạm hoặc áp dụng ngay biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc nếu không chấp hành việc áp dụng giám sát điện tử.

6. Chương VI. Quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy, gồm 02 điều từ Điều 49 đến Điều 50 quy định về nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy và trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy. So với Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, Chương này bỏ 05 Điều, sửa đổi, bổ sung Điều 49 về nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy như sau:

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

- Chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy.

- Đình chỉ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ những quy định về phòng, chống ma túy trái với quy định của Luật này.

- Quyết định phân bổ kinh phí, bảo đảm điều kiện cho hoạt động phòng, chống ma túy.

- Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về phòng, chống ma túy.

- Thống kê về phòng, chống ma túy; báo cáo Quốc hội về công tác phòng, chống ma túy.

- Kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

- Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế, nhân lực; đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng, chống ma túy.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, nghiên cứu khoa học về phòng, chống ma túy.

- Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.

7. Chương VII. Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy, gồm 03 điều từ Điều 51 đến Điều 53 quy định về chính sách hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy; nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy; chuyên giao hàng hóa có kiểm soát. So với Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, Chương này cơ bản giữ nguyên các nội dung của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021.

8. Chương VIII. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều từ Điều 54 đến Điều 56 quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

So với Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, Chương này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (Điều 54).

Các quy định về áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc hiện đang được quy định đồng thời tại Luật Phòng, chống ma túy và Luật Xử lý vi phạm hành chính chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất, do đó, Luật đã sửa đổi, bổ sung Điều 95. “*Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*” thành “*Biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc*” và quy định biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm quy định tại Luật Phòng, chống ma túy để cai nghiện ma túy, lao động, học văn hóa, học nghề dưới sự quản lý của cơ sở cai nghiện ma túy công lập; đồng thời, sửa đổi, bổ sung các điều có liên quan để áp dụng thống nhất các quy định tại biện pháp này tại Luật Phòng, chống ma túy.

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Như vậy, Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 được sửa đổi toàn diện nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong phòng, chống ma túy, cai nghiện và quản lý sau cai nghiện, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới. Để triển khai Luật Phòng, chống ma túy năm 2025, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh cần chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bằng nhiều hình thức như:

1. Tổ chức tập huấn Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật nhằm nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống ma túy.

2. Biên soạn, phát hành tài liệu về pháp luật phòng, chống ma túy cho lực lượng trực tiếp làm công tác đấu tranh phòng, chống ma túy.

3. Đăng tải, cập nhật toàn văn nội dung văn bản Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật trên Trang thông tin điện tử và các hình thức phù hợp khác để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy bằng các hình thức cụ thể, phong phú, đa dạng; tích cực ứng dụng chuyển đổi số trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống ma túy; phối hợp

với các cơ quan báo chí tổ chức thực hiện các chuyên mục, chương trình, tin, bài phổ biến và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng đối tượng cụ thể bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn.

5. Lồng ghép công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh phù hợp với việc tổ chức thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật theo quy định bảo đảm triển khai trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn./.
